

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## DỰ THẢO

TỜ TRÌNH  
Dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi) như sau.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN****1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Việc sửa đổi Luật Công nghệ cao nhằm hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho phát triển công nghệ cao đã được Bộ Chính trị, của Chính phủ giao tại các văn bản chỉ đạo. Đây là căn cứ chính trị quan trọng thể hiện quyết tâm đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo về phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược<sup>1</sup>. Nghị quyết cũng đã xác định một số mục tiêu cụ thể đến 2030 như: tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định cần tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định quan điểm chỉ đạo là kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa

<sup>1</sup> Tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 quy định về công nghệ chiến lược trong đó Công nghệ chiến lược là công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và đáp ứng một trong các điều kiện hoặc tạo ra sự phát triển đột phá, phát triển chất lượng cao về kinh tế - xã hội hoặc đóng vai trò nền tảng cho các ngành công nghiệp, dịch vụ hoặc có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh.

học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; có cơ chế thử nghiệm đối với những ngành, lĩnh vực mới trên cơ sở hậu kiểm, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Văn bản số 30-TB/TGV ngày 13/6/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thông báo kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan có liên quan đã yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Công nghệ cao năm 2008 để giải quyết dứt điểm các vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, đồng bộ cho phát triển các khu công nghệ cao, trình Quốc hội xem xét trong Kỳ họp thứ 10.

- Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 đã đưa ra các mục tiêu tổng quát về công nghệ cao. Theo đó, Nghị quyết số 54/NQ-CP của Chính phủ ngày 12/4/2022 ban hành về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Đề án sửa đổi Luật Công nghệ cao trình Chính phủ, Quốc hội trong giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đã giao Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung Điều 31 Luật Công nghệ cao và một số điều liên quan.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Luật Công nghệ cao được Quốc hội ban hành từ năm 2008, là đạo luật đầu tiên và duy nhất điều chỉnh về công nghệ cao tại Việt Nam, tuy nhiên nhiều quy định trong đó đã trở nên lỗi thời, thiếu đồng bộ với pháp luật chuyên ngành, không thể thực hiện được hoặc không còn phù hợp với thực tiễn sẽ là rào cản thúc đẩy phát triển công nghệ cao trong nước nếu không được kịp thời sửa đổi, bổ sung. Kể từ đó đến nay, Luật Công nghệ cao mới chỉ được sửa đổi ở phạm vi hẹp tại các điều khoản nhỏ năm 2013<sup>2</sup> (liên quan đến ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp) và năm 2014<sup>3</sup> (điều chỉnh nội dung liên quan theo Luật Đầu tư). Tuy nhiên, chưa có lần sửa đổi nào mang tính tổng thể để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với bối cảnh pháp lý, kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế đang có nhiều thay đổi nhanh chóng, sâu sắc. Việc sửa đổi toàn diện Luật Công nghệ cao lần này đã có cơ sở chính trị, pháp lý từ chỉ đạo của các cơ quan trung ương và xuất phát các cơ sở thực tiễn sau:

---

<sup>2</sup> Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi năm 2013 sửa đổi Điều 18, Điều 19 Luật Công nghệ cao

<sup>3</sup> Điều 74 Luật Đầu tư năm 2014 sửa đổi Điều 18 Luật Công nghệ cao

- *Sự thay đổi mạnh mẽ trong hệ thống pháp luật có liên quan:* Trong bối cảnh hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang có sự điều chỉnh toàn diện<sup>4</sup>, thay đổi này tác động trực tiếp đến nội dung điều chỉnh của Luật Công nghệ cao, một thành phần trong hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do đó, việc sửa đổi Luật Công nghệ cao không chỉ là yêu cầu khách quan, mà còn là bước đi cấp thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng pháp lý thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, phục vụ quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- *Bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi:* Thế giới đã bước vào giai đoạn phát triển mới, trong đó công nghệ cao giữ vai trò then chốt, quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển độc lập, tự chủ của mỗi quốc gia. Các quốc gia phát triển và đang phát triển đều xem công nghệ cao là động lực cốt lõi để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an ninh công nghệ và chủ quyền số. Chính vì vậy, nhiều nước đã điều chỉnh chính sách ưu đãi, đầu tư trọng điểm vào nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, các thể chế linh hoạt để thu hút đầu tư công nghệ cao nước ngoài gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ nguồn, công nghệ lõi và tăng cường năng lực công nghệ nội sinh, thúc đẩy doanh nghiệp nội địa tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Trước yêu cầu đó, Việt Nam cần nhanh chóng đổi mới tư duy và cách tiếp cận trong quản lý, phát triển công nghệ cao, trong đó việc sửa đổi Luật Công nghệ cao là bước đi căn cơ để tạo nền tảng chính sách phù hợp với xu thế phát triển và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia về công nghệ cao.

- *Nhiều vướng mắc trong thực tiễn cần được tháo gỡ bằng công cụ pháp luật:* Sau hơn 16 năm thi hành, Luật Công nghệ cao đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập cả trong nội dung và tổ chức thực hiện, chưa giữ vai trò thúc đẩy phát triển mạnh mẽ năng lực công nghệ cao trong nước. Một số chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng... dành cho doanh nghiệp công nghệ cao có quy mô lớn nhưng chưa gắn với điều kiện ràng buộc hiệu quả như tỷ lệ nội địa hóa, chuyển giao công nghệ thực sự, đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư nghiên cứu phát triển trong nước... Các chính sách thúc đẩy nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ cao chưa thu hút được các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia. Danh mục công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao cũng chưa được cập nhật kịp thời, dẫn đến việc chậm thích ứng với các xu hướng và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ mới trên thế giới. Việc phát triển các khu công nghệ cao chưa đi liền với hệ sinh thái nghiên cứu phát triển, vườn ươm công nghệ, viện nghiên cứu, doanh nghiệp khởi nghiệp..., các quy định về khu công nghệ cao chưa tạo sự linh hoạt về mô hình và hoạt động quản lý, trong khi các mô

<sup>4</sup> Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được ban hành tháng 6/2025, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ đang trong quá trình sửa đổi bổ sung.

hình khu công nghệ cao mới trên thế giới đã có nhiều thay đổi thời gian qua. Về tổ chức thực hiện còn chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đối với hoạt động công nghệ cao và đối với khu công nghệ cao cũng là một trong những rào cản cần gỡ bỏ để đảm bảo thúc đẩy phát triển. Những tồn tại này cho thấy tính cấp thiết của việc rà soát, sửa đổi toàn diện Luật Công nghệ cao để bảo đảm tính thực tiễn, khả thi và hiệu quả trong triển khai.

Việc sửa đổi Luật Công nghệ cao lần này cũng nhằm cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 10/8/2023 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết đã xác định rõ định hướng phát triển công nghệ cao gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời đặt ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao. Việc sửa đổi Luật là bước đi cần thiết để thể chế hóa tinh thần của Nghị quyết, qua đó tạo hành lang pháp lý minh bạch, ổn định và hấp dẫn đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ cao.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích**

Việc đề xuất xây dựng Luật Công nghệ cao (sửa đổi) nhằm: thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển công nghệ cao phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 và hội nhập quốc tế trong tình hình mới; triển khai thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp phân quyền, giao các thẩm quyền quản lý nhà nước cho các cấp chính quyền địa phương trong thúc đẩy phát triển công nghệ cao, nhất là khu công nghệ cao. Đồng thời, đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, khả thi và tránh chồng chéo với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đặc biệt trong bối cảnh Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đã được ban hành với nhiều chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các pháp luật về đầu tư, thuế... và tháo gỡ vướng mắc, rào cản về phát triển công nghệ cao hiện nay.

### **2. Quan điểm**

*Một là*, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược tạo đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Luật cần thể hiện vai trò là công cụ pháp lý quan trọng để phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

*Hai là*, việc sửa đổi Luật Công nghệ cao cần bám sát ba trụ cột: (i) Xu thế công nghệ của thời đại như đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, phát triển các mô hình kinh doanh mới, ngành công nghiệp mới, xây dựng nền sản xuất xanh-sạch; (ii) Chiến lược phát triển quốc gia, trong đó khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt đối với tăng trưởng chất lượng cao và phát triển bền vững; (iii) Yêu cầu giải quyết các vướng mắc, bất cập thực tế, tạo hành lang pháp lý hiệu quả để phát triển công nghệ cao trong nước, nâng cao năng lực công nghệ nội sinh, tiến tới cạnh tranh công nghệ toàn cầu.

*Ba là*, quá trình sửa đổi luật cần nghiên cứu, chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia đã có thành công trong xây dựng thể chế và chính sách phát triển công nghệ cao để đề xuất các chính sách phù hợp với trình độ phát triển, năng lực thực thi và mục tiêu chiến lược của Việt Nam.

*Bốn là*, kế thừa có chọn lọc, phát huy những quy định Luật Công nghệ cao còn phù hợp, đã chứng minh được hiệu quả trong thực tiễn, đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các nội dung chưa đầy đủ, chưa cập nhật theo yêu cầu phát triển hiện nay nhằm đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật.

*Năm là*, Luật Công nghệ cao (sửa đổi) phải được thiết kế với bố cục logic, dễ tiếp cận, sử dụng ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng, tránh diễn giải mơ hồ, thiếu định lượng, nhằm bảo đảm người dân, doanh nghiệp, tổ chức dễ tiếp cận và thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả pháp lý của Luật Công nghệ cao.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động công nghệ cao, chính sách, biện pháp khuyến khích, thúc đẩy hoạt động công nghệ cao.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động công nghệ cao tại Việt Nam.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Tổ Biên tập dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi) với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương tại Quyết định số .../QĐ-BKH-CN ngày .../8/2025. Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức họp Tổ Biên tập vào ngày .....

2. Bộ Khoa học và Công nghệ đã báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng về dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi) tại cuộc họp ngày 14/8/2025 do Phó Thủ tướng chủ trì về rà soát các dự án Luật do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV để cho ý kiến về nguyên tắc và định hướng nội dung dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi) (Thông báo số 429/TB-VPCP ngày 15/8/2025 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng tại cuộc họp về việc rà

soát các dự án Luật do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV).

3. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số .../BKHCN-CN ngày ... đến các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp, các cơ quan liên quan để đề nghị góp ý dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi). Hồ sơ dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi) đã được gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ từ ngày ... đến ngày....

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của ... cơ quan, gồm: .... Trong đó, .... Các ý kiến góp ý đã được rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp và tiếp thu, giải trình để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi).

4. Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản số .../BKHCN-CN ngày ...2025 gửi Bộ Tư pháp để đề nghị thẩm định hồ sơ dự án Luật Công nghệ (sửa đổi).

Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày .../2025. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi).

5. Chính phủ đã cho ý kiến đối với dự án Luật ngày 19/3/2025. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiêm túc tiếp thu, giải trình các Ý kiến Thành viên Chính phủ và kết luận của Thường trực Chính phủ để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi) trình Chính phủ.

## **V. BỐ CỤC VÀ CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN**

### **1. Bố cục**

Dự thảo Luật Công nghệ cao (sửa đổi) gồm 06 chương và 29 điều, giảm 06 điều so với Luật Công nghệ cao năm 2008 (sửa đổi năm 2013 và năm 2014) do có sự cấu trúc lại nên về hình thức có một số thay đổi so với Luật Công nghệ cao hiện hành. Cụ thể:

Chương I. Những quy định chung, gồm 09 điều (từ Điều 1 đến Điều 9).

Chương II. Phát triển công nghệ chiến lược, gồm 06 điều (từ Điều 10 đến Điều 15)

Chương III. Ứng dụng công nghệ cao và công nghệ chiến lược, gồm 04 điều (từ Điều 16 đến Điều 19).

Chương IV. Phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp công nghệ chiến lược, gồm 04 điều (từ Điều 20 đến Điều 23).

Chương V. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, gồm 04 điều (từ Điều 24 đến Điều 27).

Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (từ Điều 28 đến Điều 29).

### **2. Nội dung cơ bản**

### 2.1. Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Hoàn thiện khái niệm và tiêu chí về công nghệ cao đảm bảo tính hiệu quả và cập nhật so với xu hướng công nghệ trên thế giới, phù hợp với bối cảnh, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Việt Nam. Trong đó, hoàn thiện định nghĩa công nghệ cao, nhấn mạnh tính đột phá, lan tỏa và vai trò nền tảng của các ngành công nghiệp, dịch vụ hiện đại (tại khoản 1 Điều 3). Hoàn thiện định nghĩa sản phẩm công nghệ cao, không chỉ là sản phẩm mà còn bao gồm dịch vụ được tạo ra từ công nghệ cao (tại khoản 3 Điều 3).

Sửa đổi một số quy định để hoàn thiện các chính sách nhằm phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và khẳng định phát triển công nghệ cao và công nghệ chiến lược là đột phá chiến lược để phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm tự chủ công nghệ quốc gia (tại Điều 4).

Sửa đổi cơ chế xác định công nghệ ưu tiên, thay vì liệt kê 4 lĩnh vực cố định, chuyển sang tiêu chí mở về công nghệ cao và công nghệ chiến lược (tại Điều 5).

Cụ thể hóa và bổ sung các hành vi bị cấm như tiết lộ bí mật công nghệ chiến lược, gian dối để hưởng ưu đãi (tại Điều 9).

### 2.2. Các nội dung bổ sung

- Bổ sung các quy định khung để khuyến khích doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có đầu tư vào công nghệ cao; các viện nghiên cứu, trường đại học có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) và thương mại hóa công nghệ để phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ chiến lược để các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp trong nước có thể tham gia.

Bổ sung các quy định hành lang pháp lý đối với công nghệ chiến lược, tại Chương II Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có các quy định về công nghệ chiến lược, tại dự thảo Luật Công nghệ cao (sửa đổi) tiếp tục hoàn thiện các quy định hành lang pháp lý đối với công nghệ chiến lược, tại Chương II. Theo đó, các nội dung liên quan đến, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược, chính sách thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, cơ chế siêu khẩu trừ thuế cho hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ thành lập phòng thí nghiệm trọng điểm, hỗ trợ thương mại hóa sáng chế, thiết kế và chuỗi cung ứng trong nước với mục tiêu tạo điều kiện để Việt Nam có thể hình thành các tập đoàn công nghệ hàng đầu của Việt Nam, vừa đóng vai trò dẫn dắt hệ sinh thái trong nước, vừa vươn ra thị trường quốc tế, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Bổ sung quy định cụ thể về tiêu chí với công nghệ cao, công nghệ chiến lược (tại Điều 5, Điều 6), trong đó bổ sung tiêu chí liên quan đến cam kết về mức độ chuyên gia công nghệ khi thực hiện các ưu đãi (Điều 13) và khái niệm mới về mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL) (tại Điều 3). Bổ sung quy định định kỳ thời gian sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ chiến lược. Nhằm đảm bảo tính cập nhật, thích ứng nhanh với thay đổi công nghệ toàn cầu (tại Điều 5).

Bổ sung các quy định về việc thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ cao, công nghệ chiến lược (tại Điều 4, Điều 8). Đây là một điều khoản rất quan trọng trong Dự thảo Luật Công nghệ cao (sửa đổi) để xác định sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm công nghệ chiến lược – làm cơ sở cho hoạch định chính sách, hỗ trợ đầu tư, ưu đãi, và quản lý nhà nước.

Bổ sung quy định mới về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân định rõ vai trò Chính phủ, Thủ tướng, các bộ/ngành và ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tại Điều 8) theo hướng phân cấp, phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương.

Bổ sung các quy định về hình thành hệ sinh thái công nghệ cao (tại Điều 4) như một trụ cột mới nhằm tạo môi trường thuận lợi, toàn diện cho đổi mới sáng tạo để các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khởi nghiệp và quỹ đầu tư có thể tham gia, liên kết trong chuỗi giá trị công nghệ cao. Trong đó, khu công nghệ cao (tại Điều 25) được xác định là vị trí trung tâm hệ sinh thái đổi mới, kết nối nhằm lan tỏa công nghệ cao, thúc đẩy hình thành mạng lưới theo chuỗi giá trị.

Bổ sung quy định về phát triển đô thị công nghệ cao (tech city, smart tech zone) là nơi khu công nghệ cao được đặt trong môi trường sống – làm việc tích hợp, tiện nghi (tại Điều 26). Trong đó, mô hình chính quyền cần được phân cấp triệt để tạo điều kiện thuận lợi về quản lý hoạt động, giảm thiểu các thủ tục đối với người dân, doanh nghiệp.

Bổ sung các quy định về yêu cầu chuyển đổi số toàn diện hoạt động công nghệ cao, số hóa các dữ liệu về công nghệ cao, hạ tầng công nghệ cao và các chính sách liên quan để đảm bảo các hoạt động công nghệ cao thực hiện trên nền tảng số và hệ thống quản trị thông minh (tại các Điều 16, Điều 24).

### *2.3. Nội dung lược bỏ*

Lược bỏ quy định cứng, giới hạn tên 4 lĩnh vực công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hóa), thay bằng tiêu chí định tính – định lượng xác định công nghệ cao, công nghệ chiến lược, giúp linh hoạt cập nhật (tại Điều 5).

Lược bỏ quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm do quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm đã được xác định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 (việc thực hiện được dẫn chiếu theo các quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025).

Lược bỏ quy định về ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao để định hướng tập trung đầu tư nghiên cứu và phát triển đối với Danh mục công nghệ chiến lược và chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về công nghệ chiến lược.

Về hình thức, dự thảo Luật Công nghệ cao sửa đổi đã lược bỏ chương về nhân lực công nghệ cao so với Luật Công nghệ cao năm 2008. Về nội dung, lược bỏ quy định về đào tạo, cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao để tránh việc



chồng chéo với các quy định của pháp luật về giáo dục; đối với các quy định về chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao được quy định lồng ghép trong các tiêu chí về công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (tại các Điều 5, 6, 10, 15, 16, 19, 21, 22, 25).

Lược bỏ một số quy định về ưu đãi đầu tư, thuế, đất đai... vốn đã được điều chỉnh tại các pháp luật chuyên ngành (rải rác trong các điều khoản về chính sách, thủ tục trong dự thảo).

#### *2.4. Các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính*

Các quy định về việc công nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại Điều 18 Điều 21 dự thảo được quy định thực hiện theo cơ chế hậu kiểm, có thời hạn, căn cứ vào bộ tiêu chí định lượng về kết quả nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa công nghệ cao, đây là các quy định khung, cùng với các tiêu chí cụ thể về công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao tại dự thảo làm cơ sở để quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ sẽ cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong việc công nhận mà tập trung vào việc hậu kiểm, đánh giá việc đáp ứng tiêu chí.

#### *2.5. Các nội dung phân quyền, phân cấp*

Điều 8 dự thảo đã quy định khung trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghệ cao, công nghệ chiến lược đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ/ngành và ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong đó, ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao các thẩm quyền về triển khai chính sách, chương trình, dự án phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư, hạ tầng; quản lý hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (trong đó có nhiệm vụ công nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được phân cấp ở cấp Nghị định); quản lý khu công nghệ cao (trong đó các thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ban quản lý khu công nghệ cao được quy định cụ thể ở cấp Nghị định); giám sát, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện

*2.6. Các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết*

...

*2.7. Những nội dung bổ sung mới so với dự thảo văn bản gửi thẩm định (nếu có)*

...

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật Công nghệ cao (sửa đổi) sau khi được thông qua bao gồm: các khoản chi đầu tư cho đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược (quy định tại

khoản 1 Điều 24), đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi số hoạt động công nghệ cao; các hoạt động công nghệ cao; các ưu đãi (về thuế, tín dụng, đất đai...) đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, các ưu đãi thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghệ cao, công nghệ chiến lược; chi cho hội nhập quốc tế về công nghệ cao, xúc tiến thương mại, triển lãm... về công nghệ cao; chi các hoạt động quản lý nhà nước về công nghệ cao của các cơ quan quản lý nhà nước.

Đối với nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm thi hành luật sau khi được thông qua bảo đảm không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

## **VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH VÀ THÔNG QUA**

Dự kiến thời gian trình Quốc hội là tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10 năm 2025).

## **VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN**

1. Xin ý kiến Thành viên Chính phủ thông qua toàn bộ hồ sơ dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi); giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội hồ sơ dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi).

....

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Công nghệ cao (sửa đổi) của Bộ Khoa học và Công nghệ, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo các tài liệu:*

- (1) Dự thảo Luật Công nghệ cao (sửa đổi);*
- (2) Dự thảo Tờ trình của Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;*
- (3) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế hiện hành và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế;*
- (4) Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo*
- (5) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;*
- (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.*

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Chính phủ Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, CN.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Mạnh Hùng**